

NÂNG CAO HIỆU QUẢ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH TẠI CÁC XÃ VÙNG BIÊN GIỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN

Improving the efficiency of credit social policy in border regions in Long An province

Nguyễn Trọng Điệp¹, Trương Quang Vinh², Hoàng Thị Hạnh³, Trần Hoàng Khải⁴,
Thành Duy Vũ⁵, Vũ Minh Thư⁶ và Trần Thế Vinh⁷

¹Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội, Chi nhánh tỉnh Long An

²Trưởng phòng Quan hệ quốc tế – QHDN&CTSV, Trường Đại học KTCN Long An

³Phó Giám đốc Ban Tín dụng người nghèo, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam

⁴Phó Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội, Chi nhánh tỉnh Long An

⁵Trưởng phòng Hành chính – Tổ chức - Ngân hàng Chính sách xã hội, Chi nhánh tỉnh Long An

⁶Phó Giám đốc Phòng giao dịch - Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tân Hưng, Chi nhánh tỉnh Long An

⁷Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ tín dụng - Ngân hàng Chính sách xã hội, Chi nhánh tỉnh Long An
nckhvbsplongan@gmail.com

Tóm tắt – Trong những năm qua, Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Long An đã tích cực tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh Long An tổ chức thực hiện tốt các chương trình tín dụng chính sách xã hội tại các xã biên giới của tỉnh. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động này vẫn còn một số hạn chế nhất định, điển hình là thiếu vốn đầu tư tạo việc làm tại chỗ. Trên sở phân tích thực trạng, tác giả đã đề xuất các nhóm giải pháp như: nhóm giải pháp quản lý, tác nghiệp của Ngân hàng Chính sách xã hội; nhóm giải pháp của Tổ Tiết kiệm và vay vốn; nhóm giải pháp của hộ vay,... nhằm nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách tại các xã vùng biên giới trên địa bàn tỉnh Long An thời gian tới.

Abstract – Over the past years, Vietnam Bank for Social Policies - Long An Branch has actively advised the Provincial Party Committee and the People's Committee of Long An Province to well organize the implementation of social policy application programs in border communes conscious. However, besides the achieved results, this activity still has certain limitations, typically the lack of investment capital to create local jobs. On the basis of analyzing the current situation, the author sets out groups of solutions such as: group of management and operational solutions of Vietnam Bank for Social Policies; group of solutions of the Savings and Loans Group; group of solutions of borrowers, etc. Improve the the efficiency of credit social policy in border regions in Long An provincein the coming time.

Từ khóa – Hiệu quả, tín dụng chính sách xã hội, vùng biên giới, efficiency, border regions.

1. Đặt vấn đề

Theo số liệu thống kê của Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Long An (2022), tính đến thời điểm 31/12/2022 dư nợ toàn chi nhánh đạt 679 tỷ đồng, với hơn 21.700 hộ dư nợ theo chương trình, chiếm 14,01% tổng dư nợ của chi nhánh. Các chương trình tín dụng chính sách xã hội (TDCSXH) được bổ sung qua các năm, đa dạng đối tượng thụ hưởng đã có tác động tích cực đối với việc phát triển kinh tế; nâng cao chất lượng môi trường sống; góp phần ổn định chính trị, an ninh và trật tự xã hội; bộ mặt các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn có sự thay đổi đáng kể. Đời sống của bà con vùng sâu, vùng xa dần được nâng lên, thu hẹp dần khoảng cách giữa các vùng.

Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn chênh lệch khoảng cách đời sống và trình độ phát triển giữa vùng biên giới với mức bình quân chung của các vùng khác; cơ sở hạ tầng khu vực biên giới phát triển chưa đồng bộ, một bộ phận nhân dân trình độ dân trí còn thấp, đời sống còn nhiều khó khăn; giá cả nông sản từng thời điểm không ổn định, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, nhất là dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trong thời gian dài cả ở nội biên và ngoại biên, gây ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của nhân dân; sự phối kết hợp giữa nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội với việc chuyển giao khoa học kỹ thuật, hướng dẫn hộ vay chuyển đổi cơ cấu giống, cây trồng vật nuôi còn chưa đồng bộ, chưa thường xuyên dẫn đến

hiệu quả sử dụng vốn vay của một bộ phận người vay là chưa cao. Mặt khác, kể từ năm 2018 người dân 20 xã biên giới không còn được thụ hưởng các chính sách xã hội hỗ trợ vùng khó khăn theo Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Việc thiếu hụt nguồn vốn hỗ trợ cùng với sự tác động, ảnh hưởng sâu rộng của đại dịch Covid-19 đã có tác động tiêu cực đối với các mặt kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng tại địa phương. Đặc biệt là khi thiếu vốn đầu tư tạo việc làm tại chỗ, người dân không thể ổn định cuộc sống và tiếp tục bám giữ vùng đất biên cương, đây cũng là cơ hội cho các thế lực thù địch tăng cường các hoạt động lôi kéo, xuyên tạc, chia rẽ dân tộc và các hoạt động phản động, chống phá Nhà nước ta. Từ thực trạng trên, nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài “Giải pháp nâng cao hiệu quả TDCSXH tại các xã vùng biên giới trên địa bàn tỉnh Long An” nhằm phân tích đánh giá thực trạng hiệu quả của các chương trình tín dụng chính sách, từ đó đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm duy trì, nâng cao hiệu quả TDCSXH, mang lại lợi ích thiết thực, lâu dài cả về mặt kinh tế lẫn chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng đối với các xã vùng biên giới trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Tín dụng chính sách xã hội và hiệu quả tín dụng chính sách tại các xã vùng biên giới

Năm 2002, Chính phủ đã thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) mà tiền thân là ngân hàng phục vụ người nghèo để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ người nghèo, vùng nghèo và các đối tượng chính sách khác nhằm đảm bảo an sinh xã hội. Đồng thời, Nhà nước ban hành chính sách ưu đãi, đặc thù riêng về đối tượng vay, về cơ chế cho vay, cơ chế xử lý rủi ro, lãi suất cho vay, điều kiện, thủ tục vay vốn để triển khai thực hiện. Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác nêu rõ: Tín dụng chính sách xã hội là việc sử dụng các nguồn lực tài chính do Nhà nước huy động để cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác vay ưu đãi phục vụ sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, cải thiện đời sống; góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo, ổn định xã hội.

Tín dụng chính sách xã hội là kênh tín dụng không vì mục tiêu lợi nhuận. Mục tiêu của tín dụng chính sách là không vì mục tiêu lợi nhuận mà là nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, cải thiện đời sống, góp phần thực hiện chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo, ổn định kinh tế - chính trị và bảo đảm an sinh xã hội. Đối tượng vay vốn tín dụng chính sách xã hội là người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo chỉ định của Chính phủ, trong đó có đồng bào dân tộc thiểu số (Phương Nguyên, 2019).

Theo Trần Lan Phương (2016), tín dụng chính sách giúp cho người dân tại vùng biên giới được tiếp cận nguồn vốn ưu đãi dễ dàng, không cần các điều kiện ràng buộc về vật chất. Đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách nói chung, đặc biệt là các hộ sinh sống ở vùng biên giới thường là vùng sâu, xa rất hạn chế về năng lực kinh tế dẫn đến hạn chế trong giao tiếp, rất khó khăn trong tiếp cận với nguồn vốn của các ngân hàng thương mại. Tín dụng chính sách làm giảm tệ nạn cho vay nặng lãi trong nông thôn và cung cấp vốn tín dụng, với các sản phẩm dịch vụ tài chính đi kèm góp phần cải thiện thị trường tài chính tại khu vực nông thôn đặc biệt là vùng sâu, vùng xa nơi biên giới. Ngoài việc cung cấp nguồn vốn vay ưu đãi, NHCSXH còn cung cấp dịch vụ thanh toán, tiền gửi tiết kiệm,... giúp người dân vùng nông thôn dễ dàng tiếp cận các dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại. Điều này cũng giúp cho các hoạt động kinh doanh, thương mại phát triển hơn, các mặt hàng nông sản, đặc sản địa phương được tiêu thụ nhanh chóng, thuận tiện hơn.

Theo Dương Quyết Thắng (2016), hiệu quả tín dụng là một trong những biểu hiện phản ánh hiệu quả kinh tế trong lĩnh vực ngân hàng và thông qua chất lượng các hoạt động tín dụng ngân hàng. Chất lượng hoạt động tín dụng ngân hàng được đánh giá qua các tiêu chí: khả năng cung ứng tín dụng phù hợp với yêu cầu phát triển các mục tiêu kinh tế xã hội, nhu cầu của khách hàng đảm bảo nguyên tắc hoàn trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn, đồng thời cải thiện lại thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người vay.

Trong nghiên cứu này, quan điểm về hiệu quả nguồn vốn TDCSXH tại các xã vùng biên giới trên địa bàn tỉnh Long An được xem xét trên 04 nhóm yếu tố liên quan đến việc tổ chức triển khai cho vay các chương trình tín dụng chính sách của Chính phủ: (1) NHCSXH; (2) Hộ vay vốn; (3) Các tổ chức Chính trị - xã hội (đơn vị nhận ủy thác); (4) Các yếu tố bên ngoài ngân hàng. Nghiên cứu tập trung đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vay đối với hộ vay và hiệu quả kinh tế, xã hội như vấn đề tạo việc làm, cải thiện cơ hội học hành của con em hộ vay, nâng cao kiến thức của các hộ vay, vấn đề giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Về phía ngân hàng, nghiên cứu đánh giá một số vấn đề cơ bản như việc cung cấp và sử dụng nguồn vốn, một số vấn đề về quản lý TDCSXH như doanh số cho vay, nợ quá hạn, tỷ lệ thu lãi và kết quả đầu tư cũng được xem xét.

3. Thực trạng hiệu quả tín dụng chính sách xã hội tại các xã cùng biên giới trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2017 - 2022

3.1. Phân tích thực trạng

Bảng 1. Kết quả cho vay theo địa bàn huyện/thị xã giai đoạn 2017 - 2022

Đơn vị tính: %; triệu đồng

STT	Huyện/thị xã	Doanh số cho vay		Doanh số thu nợ	Dư nợ đến 31/12/2022		
		Số hộ	Số tiền		Số hộ	Số tiền	Tỷ trọng
1	Đức Huệ	9.058	257.072	210.943	5.042	149.329	21,99
2	Mộc Hóa	3.439	117.989	81.020	2.415	84.435	12,43
3	Vĩnh Hưng	6.915	191.974	146.212	5.034	145.335	21,40
4	Thanh Hóa	3.361	106.834	80.442	2.348	76.366	11,24
5	Tân Hưng	4.662	152.197	118.557	3.397	104.791	15,43
6	Kiến Tường	4.759	159.073	115.617	3.534	118.949	17,51
Tổng cộng		32.194	985.139	752.790	21.770	679.205	100,00

Nguồn: Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh tỉnh Long An

Qua số liệu bảng 1 cho thấy doanh số cho vay tại các huyện biên giới bình quân 01 huyện là 164.189 triệu đồng, trong đó Phòng giao dịch Đức Huệ có doanh số cho vay cao nhất 257.072 triệu đồng với 9.058 lượt hộ vay vốn, chiếm 26,09% tổng doanh số cho vay vùng biên giới của chi nhánh.

Bảng 2. Tỷ lệ tăng trưởng dư nợ, hộ vay theo địa bàn huyện/thị xã giai đoạn 2017 - 2022

Đơn vị tính: %; triệu đồng

STT	Huyện/thị xã	Năm 2017		Năm 2022		Tỷ lệ tăng	
		Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền
1	Đức Huệ	5.418	110.119	5.042	149.329	-6,94	35,61
2	Mộc Hóa	2.537	55.177	2.415	84.435	-4,81	53,03
3	Vĩnh Hưng	5.416	108.724	5.034	145.335	-7,00	33,67
4	Thanh Hóa	2.638	56.038	2.348	76.366	-10,99	36,28
5	Tân Hưng	4.109	79.291	3.397	104.791	-17,33	32,16
6	Kiến Tường	4.029	82.374	3.534	118.949	-12,29	44,40
Tổng cộng		24.147	491.722	21.770	679.205	-9,83	38,13

Nguồn: Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh tỉnh Long An

Qua số liệu tổng hợp tỷ lệ tăng trưởng dư nợ, hộ vay tại bảng 2, dư nợ tại các huyện biên giới đến năm 2022 tăng 38,13% so với năm 2017, tỷ lệ tăng trưởng bình quân/năm đạt 7,26%, trong đó Phòng giao dịch Mộc Hóa có tỷ lệ tăng trưởng dư nợ cao nhất 53,03%, Phòng giao dịch Tân Hưng có tỷ lệ tăng trưởng dư nợ thấp nhất 32,16%.

Đối với vùng biên giới, Vòng quay vốn đạt trong khoảng 0,18-0,25 vòng/năm và giảm dần từ 0,24 vòng năm 2018 xuống còn 0,18 vòng năm 2021 giống như xu hướng chung của toàn tỉnh, đến năm 2022 tăng lên lại 0,19 vòng. Tốc độ thu hồi vốn cho vay quay vòng không cao là phù hợp với nhu cầu vay vốn chủ yếu để đầu tư cải tạo đồng ruộng, chăn nuôi gia súc, chuyển đổi từ sản xuất lúa sang trồng cây ăn trái. NHCSXH đầu tư cho vay với thời hạn trả nợ phổ biến

từ 36 - 60 tháng đã giúp hộ vay an tâm đầu tư sản xuất, dư nợ được chia nhỏ tạo điều kiện thuận lợi cho hộ vay trả nợ theo định kỳ.

Bảng 3. Vòng quay vốn tín dụng theo địa bàn giai đoạn 2017 - 2022

Đơn vị tính: Vòng

STT	Huyện/thị xã	Dư nợ		Tổng doanh số thu nợ 2017 - 2022	Vòng quay tín dụng	
		Năm 2017	Năm 2022		Giai đoạn 2017 - 2022	Bình quân/năm
1	Đức Huệ	110.119	149.329	210.943	1,63	0,33
2	Mộc Hóa	55.177	84.435	81.020	1,16	0,23
3	Vĩnh Hưng	108.724	145.335	146.212	1,15	0,23
4	Thanh Hóa	56.038	76.366	80.442	1,22	0,24
5	Tân Hưng	79.291	104.791	118.557	1,29	0,26
6	Kiến Tường	82.374	118.949	115.617	1,15	0,23
Tổng cộng		491.722	679.205	752.790	1,29	0,25

Nguồn: Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh tỉnh Long An

Qua số liệu tổng hợp vòng quay vốn tín dụng theo địa bàn giai đoạn 2017-2022 tại bảng 3, vòng quay vốn tín dụng bình quân giai đoạn đạt 0,25 vòng/năm, trong đó PGD Đức Huệ có vòng quay vốn tín dụng bình quân cao nhất 0,33 vòng/năm.

Bảng 4. Tổng hợp nợ quá hạn và nợ khoanh theo huyện/thị xã

Đơn vị tính: Triệu đồng, %

STT	Huyện/thị xã	Năm 2017		Năm 2022		
		Nợ quá hạn và nợ khoanh	Tỷ lệ/ dư nợ	Nợ quá hạn và nợ khoanh	Tỷ lệ/ dư nợ	Tỷ trọng
1	Đức Huệ	566	0,51	523	0,35	20,95
2	Mộc Hóa	66	0,12	117	0,14	4,69
3	Vĩnh Hưng	477	0,44	355	0,24	14,22
4	Thanh Hóa	352	0,63	150	0,20	6,01
5	Tân Hưng	469	0,59	1.139	1,09	45,61
6	Kiến Tường	183	0,22	213	0,18	8,53
Tổng cộng		2.113	0,43	2.497	0,37	

Nguồn: Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh tỉnh Long An

Theo bảng 4, chất lượng dư nợ cho vay tại vùng biên giới là không đồng đều giữa các huyện/ thị xã, trong đó địa bàn huyện Mộc Hóa có chất lượng tốt nhất khi tổng nợ quá hạn và nợ khoanh chỉ 0,14%/dư nợ, ngược lại địa bàn huyện Tân Hưng có tổng nợ quá hạn và nợ khoanh cao nhất, chiếm 1,09%/dư nợ.

3.2. Đánh giá chung hiệu quả tín dụng chính sách xã hội tại các xã vùng biên giới trên địa bàn tỉnh Long An

3.2.1. Kết quả đạt được:

Mức độ tác động đối với các chỉ tiêu về hiệu quả vốn tín dụng chính sách đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương vùng biên giới là tương đối cao. Song song với triển khai các chương trình TDCSXH, NHCSXH còn triển khai công tác huy động vốn qua Tổ tiết kiệm và vay vốn (Tổ TK&VV) để tạo điều kiện cho hộ vay tiếp cận các dịch vụ tài chính vi mô, tích lũy tiết kiệm. Việc tạo thói quen tích lũy là vô cùng cần thiết đối với người vay, đặc biệt là đối tượng yếu thế. Trong khi việc tạo ý thức quen dần với dịch vụ tài chính, từng bước chuyển đổi công nghệ số trong thời gian tới sẽ gặp khó khăn.

Thông qua phương thức cho vay ủy thác, hoạt động tín dụng chính sách đã góp phần củng cố hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội nơi cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi cho các chi tổ hội tập hợp phát triển đoàn viên, hội viên; gắn kết cộng đồng dân cư thông qua hoạt động của các Tổ TK&VV.

Thông qua công tác quản lý, giám sát hoạt động tín dụng chính sách, chính quyền nơi cơ sở cũng có điều kiện gắn bó, gần gũi với nhân dân và kịp thời hỗ trợ đáp ứng các nhu cầu nguyện vọng chính đáng của người dân. Từ đó, chính quyền cơ sở đã có những hoạch định, định hướng phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện tại địa phương để tạo điều kiện cho nhân dân nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống.

Nguồn vốn TDCSXH đã giúp các địa phương có thêm nguồn lực để khai thác các thế mạnh, tiềm năng về đất đai, lao động, tài nguyên thiên nhiên để thúc đẩy phát triển kinh tế; phát huy tinh thần tự lực, tự cường của người dân trong phát triển sản xuất, giúp cho nhân dân bám đất, bám làng ở các vùng biên giới, vùng khó khăn, từng bước ổn định và nâng cao đời sống, vươn lên làm giàu.

3.2.2. Những mặt còn hạn chế:

Nguồn vốn để thực hiện các chương trình TDCSXH còn hạn chế so với nhu cầu thực tế của người nghèo và các đối tượng chính sách, nhất là tại một số chương trình tín dụng có nhu cầu lớn như chương trình cho vay giải quyết việc làm, cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn.

Chất lượng tín dụng chính sách chưa đồng đều; một số địa phương còn tiềm ẩn rủi ro, gia tăng nợ quá hạn do một số hộ vay bỏ đi khỏi địa phương nhưng không có thông tin liên hệ, một bộ phận người nghèo sử dụng vốn vay hiệu quả không cao, thoát nghèo chưa bền vững.

Chính sách tín dụng ưu đãi đối với vùng khó khăn nói chung và vùng biên giới nói riêng được triển khai rất hiệu quả trong thời gian qua đã đem lại lợi ích thiết thực, lâu dài cả về mặt kinh tế, chính trị và quốc phòng an ninh. Dư nợ tín dụng vùng khó khăn luôn chiếm trên 50% tổng dư nợ tín dụng chính sách với gần 40% số hộ dân được vay vốn tại các xã biên giới. Do vậy, việc dừng thực hiện tín dụng ưu đãi vùng khó khăn tại các xã biên giới có tác động trực tiếp đến đời sống của nhiều hộ dân và ảnh hưởng đến tình hình kinh tế xã hội tại địa phương.

4. Giải pháp nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội tại các xã vùng biên giới trên địa bàn tỉnh Long An

4.1. Nhóm giải pháp quản lý, tác nghiệp của ngân hàng chính sách xã hội

Phòng giao dịch NHCSXH huyện, thị xã thường xuyên phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tổ chức các hoạt động TDCSXH gắn với hoạt động khuyến nông, khuyến ngư nhằm hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh. Các khóa tập huấn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất kinh doanh và dịch vụ tài chính vì mô có thể được tổ chức trước, trong và sau khi giải ngân nhưng phải bảo đảm liên tục, thường xuyên và đến đúng đối tượng, đúng nhu cầu đề hộ nghèo và các đối tượng chính sách có thể vận dụng tốt nhất, kịp thời nhất những kiến thức được trang bị vào sử dụng vốn vay. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra giám sát của Ban Đại diện Hội đồng quản trị các cấp và công tác kiểm tra giám sát nội bộ. Chủ động phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để theo dõi, nắm chắc hoạt động cho vay tín dụng chính sách trên các địa bàn khu vực biên giới nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc và đảm bảo hộ vay sử dụng vốn đúng mục đích.

4.2. Nhóm giải pháp của Tổ tiết kiệm và vay vốn

Ban quản lý Tổ TK&VV cần tiếp tục phối hợp với cán bộ NHCSXH để tham gia tích cực vào các buổi họp Tổ, hướng dẫn người nghèo cách thức quản lý tài chính song song với việc để các thành viên chia sẻ kinh nghiệm quản lý chi tiêu với nhau. Các buổi họp rút kinh nghiệm sau khi kết thúc một lượt vay giữa các thành viên trong Tổ TK&VV, cũng như chia sẻ kinh nghiệm với các tổ viên mới sẽ mang lại hiệu quả cao cho những đợt giải ngân vốn tiếp theo. Ban quản lý Tổ TK&VV cần tích cực và chủ động trong các buổi họp Tổ, khuyến khích các thành viên chia sẻ kinh nghiệm sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Đây là một phương thức có hiệu quả do khi được chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau, người nghèo cảm thấy thoải mái để chia sẻ, tăng tính đoàn kết giữa các thành viên, tăng tính trách nhiệm của mỗi thành viên với hoạt động sử dụng

vốn vay của bản thân và của các Tổ. Việc duy trì sinh hoạt tổ theo định kỳ, thông qua các buổi sinh hoạt nhằm tăng cường tuyên truyền, vận động hộ vay có ý thức trách nhiệm việc có vay, có trả, thực hiện nghĩa vụ trả lãi hàng tháng và trả nợ theo đúng thỏa thuận với ngân hàng đồng thời gửi tiền tiết kiệm tích lũy vốn để thực hiện trả nợ phân kỳ.

4.3. Nhóm giải pháp của hộ vay vốn

Để nâng cao năng suất, tăng thu nhập; hộ vay nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phải biết thay đổi cho phù hợp với cơ chế, chính sách mới, bám sát giá cả thị trường và có dự báo cho riêng mình, đồng thời phải biết lựa chọn sản phẩm, con giống đạt chất lượng để mang lại hiệu quả cao và tiêu thụ được giá. Khi vay vốn phải có kế hoạch sản xuất, chăn nuôi cụ thể để đảm bảo nguồn vốn sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, tránh trường hợp vay vốn về chưa có kế hoạch sản xuất và sử dụng vốn sai mục đích. Bên cạnh đó, việc thực hiện chuyển đổi ngành nghề, đa dạng ngành nghề, nhằm hạn chế những rủi ro do thiên tai, dịch bệnh mang lại cho sản xuất nông nghiệp là rất cần thiết. Tuy nhiên, trước khi thực hiện chuyển đổi, hộ vay phải theo dõi, tìm hiểu kỹ thông tin thị trường cũng như kỹ thuật sản xuất, tránh xu hướng chuyển đổi ngành nghề theo phong trào, tự phát bởi vì điều này là nguyên nhân của tình trạng được mùa nhưng mất giá. Đồng thời, hộ vay cũng cần tích cực tham gia các lớp khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, và dạy nghề học hỏi những kỹ thuật canh tác tiên tiến, cập nhật những thông tin thị trường cần thiết để nâng cao khả năng tiếp cận với trình độ sản xuất mới phù hợp điều kiện sản xuất.

4.4. Nhóm giải pháp khác

Chính quyền cấp xã và cán bộ hội cần tăng cường giải thích, tuyên truyền sâu rộng hơn nữa về tín dụng chính sách để hộ vay hiểu sâu sắc và đầy đủ hơn về tính ưu đãi của chương trình và trách nhiệm của người vay, từ đó hộ vay sẽ có trách nhiệm hơn trong việc vay vốn, đặc biệt là trong việc sử dụng vốn và trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, tránh hiện tượng người vay hiểu lầm đây là nguồn vốn của Chính phủ cho người nghèo, tâm lý thời cơ ỷ lại. Cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp thực hiện tốt việc quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội cho vùng biên giới, tạo bước đột phá trong nhận thức thay đổi cách nghĩ, cách làm của người dân vùng biên. Tăng cường tạo điều kiện giao thương chính ngạch giữa người dân Việt Nam và Campuchia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Dương Quyết Thắng (2016). *Quản lý tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội đáp ứng mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội*. Luận án Tiến sĩ, Học viện Ngân hàng.
- [2]. Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh tỉnh Long An (2022). *Báo cáo kết quả hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh tỉnh Long An qua các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022*.
- [3]. Phương Nguyễn (2019). Tín dụng chính sách – nguồn lực quan trọng cho xây dựng nông thôn mới. *Tạp chí cộng sản điện tử*.
- [4]. Trần Lan Phương (2016). *Hoàn thiện công tác quản lý tín dụng chính sách của Ngân hàng Chính sách xã hội*. Luận án Tiến sĩ, Học viện Ngân hàng.

Ngày nhận: 20/2/2023

Ngày duyệt đăng: 26/3/2023